TỈNH AN GIANG

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC ĐẾN NĂM 2035

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH GIAO THÔNG CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ - CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

B

TỈ LỆ XÍCH 1/20.000

0 200 1000M

1CM = 200 M

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO THÔNG

STT	Tên đường	Chiều dài(m)	Mặt cắt	Chiều r(ông)m)	Lộ giới(m)		
					Vỉa hè trái	Mặt đường	Vỉa hè phải	Dải phân cách
1	Đường số 1	2.595,07	EI-11	20,00	5,00	10,00	5,00	-
2	Đường nối 1A	1.888,56	5-3	20,50	5,00	10,50	5,00	-
3	Đường nối 1B	1.748,44	5-3	20,50	5,00	10,50	5,00	-
			2D-2D	29,00	6,00	15,00	6,00	2,00
4	Đường nối DL1	2.838,41	4-4	26,00	5,00	16,00	5,00	-
			DL1-DL2	44,00	6,00	21,00	6,00	4,00
			E-E'	46,00	6,00	18,00	6,00	16,00
5	Đường nối 2	896,37	5-3	20,50	5,00	10,50	5,00	-
6	Đường nối 3	1.244,20	EI-11	20,00	5,00	10,00	5,00	-
7	Đường nối 4	1.788,24	5-5	20,50	5,00	10,50	5,00	-
8	Đường nối 5	4.716,42	EI-11	20,00	4,00	12,00	4,00	-
			5-5	20,50	5,00	10,50	5,00	-
9	Đường nối 5A	1.081,60	5-5	20,50	5,00	10,50	5,00	-
10	Đường nối 6	9.419,18	7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
			3-3	13,00	3,00	6,00	3,00	-
11	Đường nối 7	8.841,58	7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
			3-3	13,00	3,00	6,00	3,00	-
12	Đường nối 8	1.617,20	7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
			5-5	20,50	5,00	10,50	5,00	-
13	Đường nối 9	1.287,20	4-4	26,00	5,00	16,00	5,00	-
14	Đường nối 10	3.806,25	2B-2B	30,00	6,00	18,00	6,00	-
			9B-9B	32,00	6,00	16,00	6,00	8,00
15	Đường nối 10A	1.080,60	8A-8A	24,00	4,00	16,00	4,00	-
16	Đường nối 11	4.695,60	2B-2B	30,00	6,00	18,00	6,00	-
17	Đường nối 11A	1.210,18	2B-2B	30,00	6,00	18,00	6,00	-
18	Đường nối 11B	2.018,50	4-4	26,00	5,00	16,00	5,00	-
19	Đường nối 12	3.359,66	2B-2B	30,00	6,00	18,00	6,00	-
			10-10	22,00	5,00	12,00	5,00	-
20	Đường nối 13	3.636,00	8A-8A	24,00	5,00	14,00	5,00	-
			4-4	26,00	5,00	16,00	5,00	-
21	Đường nối 14	1.503,82	1B-1B	31,00	7,00	14,00	7,00	3,00
			8A-8A	24,00	5,00	14,00	5,00	-
22	Đường nối 15	6.247,87	2D-2D'	30,00	6,00	16,00	6,00	2,00
			2B-2B	30,00	5,00	18,00	5,00	2,00
23	Đường nối 16	2.829,31	8A-8A	24,00	5,00	14,00	5,00	-
24	Đường nối 17	2.336,79	4-4	26,00	5,00	16,00	5,00	-
25	Đường nối 17A	2.195,57	4-4	26,00	5,00	16,00	5,00	-
26	Đường nối 18	1.252,74	EI-11	20,00	5,00	10,00	5,00	-
			6-6	27,00	6,00	15,00	6,00	-
27	Đường nối 18A	585,00	2A-2A	30,00	5,00	20,00	5,00	-
28	Đường nối 19	2.371,10	6-6	27,00	6,00	15,00	6,00	-
29	Đường nối 20	773,00	7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
			6-6	27,00	6,00	15,00	6,00	-
30	Đường nối 21	2.894,60	E'-E'	45,00	6,00	21,00	6,00	12,00
			7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
31	Đường nối 22	3.063,66	1A-1A	34,00	6,00	22,00	6,00	-
			6-6	27,00	6,00	15,00	6,00	-
32	Đường nối 23	2.365,87	BB-BB	24,00	6,00	12,00	6,00	-
33	Đường nối 23A	806,60	BB-BB	24,00	6,00	12,00	6,00	-
			7B-7B	17,00	5,00	2x4,0	4,00	-
34	Đường nối 24	3.493,41	8A-8A	24,00	5,00	2x7,0	5,00	-
			7A-7A	16,00	4,00	2x4,0	4,00	-
35	Đường nối 25	3.093,64	BB-BB	24,00	6,00	12,00	6,00	-
36	Đường nối 26	1.188,19	4-4	26,00	5,00	16,00	5,00	-
			8A-8A	24,00	5,00	14,00	5,00	-
37	Đường nối 27	1.398,40	7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
38	Đường nối 28	1.109,59	1B-1B	35,00	6,00	21,00	6,00	2,00
39	Đường nối 29	770,16	7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
40	Đường Thủ Khoa Huân nối dài	2.518,87	1A-1A	34,00	6,00	22,00	6,00	-
			5-5	20,50	5,00	10,50	5,00	-
41	Đường tỉnh lộ 955A	11.023,03	6A-6A	28,50	5,00	19,50	4,00	-
42	Đường Tân Lộ Kiều Lương	6.385,90	B-B	55,00	6,00	5,0+2x12,0+5,0	6,00	3,50+2,00 +3,50
			6A-6A	28,00	5,00	15,00	8,00	-
43	Đường Trung Nữ Vương	1.388,13	8A-8A	26,00	4,00	16,00	4,00	2,00
			8A-8A	24,00	4,00	16,00	4,00	-
44	Đường 30 Tháng 4	4.928,40	2B-2B	30,00	6,00	2x9,0	6,00	-
45	Đường Nguyễn Trường Tộ	1.760,21	10-10	22,00	5,00	2x6,0	5,00	-
			E-E'	39,00	5,00	16,00	5,00	13,00
			6A-6A	28,00	5,00	18,00	5,00	-
46	Đường Kênh 1	1.946,31	5-5	20,50	5,00	10,50	5,00	-
47	Đường Kênh 2	1.914,40	3-3	13,00	3,00	7,00	3,00	-
48	Đường Kênh 4	5.089,25	7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
			5-5	20,50	5,00	10,50	5,00	-
49	Đường Kênh 7	5.581,70	3-3	13,00-14,00	3,00-4,00	7,00-8,00	3,00-4,00	-
50	Đường Kênh Xuất Khẩu Ngang	5.078,45	3-3	13,00	3,00	7,00	3,00	-
			7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
51	Đường Kênh Cầu Ba Nhe	1.805,96	3-3	13,00	3,00	7,00	3,00	-
52	Tuyến kênh cấp Thứ Ba	5.165,00	3-3	13,00	3,00	7,00	3,00	-
			7A-7A	16,00	4,00	2x8,0	4,00	-
53	Đường vòng Núi Sam	4.949,08	7C-7C	17,00	5,00	7,00	5,00	-
54			EI-11	20,00	5,00	10,00	5,00	-
55			10-10	22,00	6,00	10,00	6,00	-
56			2H-2H'	30,00	7,50	15,00	7,50	-
57	Đường Tuy Biên	5.848,00	3A-3A	15,00	4,00	7,00	4,00	-
				16,00	4,00	9,00	3,00	-
58	Đường Tây Xuyên	1.255,00	3A-3A	15,00	4,00	7,00	4,00	-
59	Đường Pasteur	1.656,38	3-3	13,00	3,00	7,00	3,00	-
60	Đường Thủ Khoa Nghĩa	1.100,35	7C-7C	17,00	5,00	7,00	5,00	-
61	Đường Cặp Trị	1.079,08	3-3	15,00	4,00	7,00	4,00	-
62	Đường Nguyễn Văn Thoại	1.600,83	5-5	20,50	5,00	10,50	5,00	-
63	Đường Phan Đình Phùng	2.284,42	5-3	20,50	5,00	10,50	5,00	-
64	Đường Trương Định	1.158,94	12A-12A	19,00	4,00	9,00	4,00	-
65	Đường Nguyễn Trí Phương	1.473,21	BB-BB	24,00	6,00	12,00	6,00	-
66	Đường Châu Long	3.508,97	EI-11	20,00	5,00	10,00	5,00	-
67	Đường Trần Hưng Đạo	2.853,65	12B-12B	18,50-19,00	4,00	10,50-11,00	4,00	-
68	Đường Lê Lợi	967,71	8A-8A	24,00	5,00	14,00	5,00	-
			14-14	12,00	3,00	2x3,0	3,00	-
69	Đường Kênh Đào	14.713,54	3-3	13,00-14,00	3,00-4,00	7,00-8,00	3,00-4,00	-
			7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
70	Đường Kênh 10	9.651,94	7A-7A	16,00	4,00	8,00	4,00	-
			3-3	13,00	3,00	7,00	3,00	-
71	Đường Hoàng Đạo Cát	1.511,75	2E-2E	30,00	5,00	18,00	5,00	2,00
72	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1.395,51	2B-2B	30,00	6,00	18,00	6,00	-
73	Đường Miếu Thần - Kênh Hoà Hảo)	3.278,10	2C-2C	30,00	6,00	14,00	6,00	4,00
			1A-1A	36,00	6,00	24,00	6,00	-
74	Đường Hoàng Diệu	1.852,26	EI-11	22,50	6,00	10,50	6,00	-
75	Đường Trương Đạo	1.107,66	EI-11	20,00	4,00	12,00	4,00	-
			6-3	79,00	5,00	2x11,5+7,0	5,00	2x25,00
76	Quốc lộ 91	15.096,50	D1-D1	32,00	6,00	2x10,0	6,00	-
			D2-D2	33,70	0,00	17,7+10,0	6,00	-
			C-C'	56,60	8,00	19,5+17,7+6,6	6,00	2,00
			6A-6A	28,00	8,00	12,00	8,00	-
77	Đường dẫn vào Cầu Cồn Tiên	9.359,48	1A-1A	35,00	6,00	21,00	6,00	-
			1B-1B	35,00	6,00	21,00	6,00	2,00
78	Đường Cầu Cồn Tiên	1.739,00	1B-1B	35,00	6,00	21,00	6,00	2,00
			5-3	20,00	4,00	12,00	4,00	-
79	Đường Quốc lộ N1	1.391,99	8A-8A	24,00	5,00	14,00	5,00	-
80	Đường cao tốc Nam Trùng-Cần Thơ - Châu Đốc	9.025,17	H-H	52,25	3,75	22,50	3,75	2,25
	Tổng chiều dài đường giao thông chính							254.454,67 m
	Tổng diện tích đất giao thông							1.149,25 ha

KÝ HIỆU

HIỆN TRẠNG CẢI TẠO	QUY HOẠCH NGẮN HẠN	QUY HOẠCH DÀI HẠN	
			ĐẤT ĐƠN VỊ Ở NỘI THỊ
			ĐẤT ĐƠN VỊ Ở NGOẠI THỊ
			ĐẤT CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
			ĐẤT CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở
			ĐẤT TRƯỜNG THPT
			ĐẤT TRƯỜNG THCS, TIỂU HỌC, MẦM NON
			ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN
			ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở
			ĐẤT HỖN HỢP
			ĐẤT LOGISTIC
			ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN
			ĐẤT TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO
			ĐẤT CƠ QUAN
			ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ
			ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH
			ĐẤT ĐẦU MỐI HTKT
			ĐẤT TRUNG TÂM TDTT
			ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN ĐỀ
			ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
			ĐẤT NÔNG NGHIỆP
			ĐẤT RỪNG
			ĐẤT ĐỒI NÚI, VƯỜN TẠP
			SÔNG, KÊNH
			ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN
			RANH GIỚI QUỐC GIA
			RANH GIỚI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
			RANH GIỚI XÃ, PHƯỜNG
			RANH GIỚI CÁC PHÂN KHU
			ĐƯỜNG GIAO THÔNG
			CẦU, CỐNG

- TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG MẪU GIÁO
- CHỢ - TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
- TRUNG TÂM Y TẾ
- CÔNG VIÊN VĂN HÓA - TDTT
- BẾN TÀU DU LỊCH
- CẢNG HÀNG HÓA

KÝ HIỆU: ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG

- ĐƯỜNG CAO TỐC
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH LỘ
- ĐƯỜNG HƯƠNG LỘ
- ĐƯỜNG CHÍNH ĐÔ THỊ
- ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC
- ĐƯỜNG CHÍNH KHU VỰC
- ĐƯỜNG KHU VỰC
- ĐƯỜNG PHÂN KHU VỰC
- ĐƯỜNG ĐỐI NGOẠI

KÝ HIỆU: ĐƯỜNG THIẾT KẾ

- ĐƯỜNG CAO TỐC
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH LỘ

MẶT CẮT NGANG 1A-1A TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 1B-1B TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 2B-2B TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 2C-2C TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 2E-2E TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 3-3 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 3A-3A TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 4-4 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 5-3 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 5-5 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 6-6 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 7A-7A TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 7B-7B TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 7C-7C TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 8A-8A TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 8B-8B TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 9B-9B TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 10-10 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 11-11 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 12A-12A TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 12B-12B TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 14-14 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG BB-BB TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG D1-D1 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG D2-D2 TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG E-E' TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG E'-E' TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG H-H TỈ LỆ: 1/200

MẶT CẮT NGANG 1-1 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 2-2 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 3-3 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 4-4 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 5-5 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 6-6 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 7-7 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 8-8 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200

MẶT CẮT NGANG 9-9 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 10-10 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 11-11 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 12-12 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 13-13 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 14-14 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 15-15 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 16-16 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 17-17 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 18-18 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 19-19 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG 20-20 (ĐƯỜNG TỈNH 955A) TỈ LỆ: 1/200 — MẶT CẮT NGANG A-A TỈ LỆ: 1/200 (ĐƯỜNG QUỐC LỘ 91) — MẶT CẮT NGANG B-B TỈ LỆ: 1/200

GHI CHÚ:

1 - PHƯỜNG CHÂU PHÚ A
KHU CẢI TẠO, CHỈNH TRANG VÀ NÂNG CẤP ĐÔ THỊ

2 - PHƯỜNG CHÂU PHÚ B
KHU TRUNG TÂM TM-DV, VĂN HÓA, GẮN VỚI CÔNG VIÊN TRUNG TÂM

3 - PHƯỜNG NÚI SAM
KHU DU LỊCH VĂN HÓA, TÂM LINH VÀ SINH THÁI NGHỈ DƯỠNG

4 - PHƯỜNG VĨNH MỸ
KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI, TMDV VÀ HÀNH CHÍNH

5 - PHƯỜNG VĨNH NGUƠN
KHU ĐÔ THỊ KINH TẾ CỬA KHẨU

6 - XÃ VĨNH TẾ
KHU DU LỊCH SINH THÁI VÀ DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN

7 - XÃ VĨNH CHÂU
KHU VỰC NÔNG NGHIỆP KỸ THUẬT CAO

H.AN PHÚ — ĐI AN PHÚ — ĐI LONG ĐỊNH — ĐI CAM PU CHIA — CAM-PU-CHIA — TX.TÂN CHÂU — ĐI TÂN CHÂU — ĐI PHÚ TÂN — ĐI LONG XUYÊN — ĐI TỈNH BIÊN, TRI TÔN — H.TỊNH BIÊN — H.CHÂU PHÚ

CHÚ THÍCH

DÂN SỐ — KÍ HIỆU PHÂN KHU — TỔNG DIỆN TÍCH PHÂN KHU - KHU VỰC PHÁT TRIỂN — DIỆN TÍCH ĐẤT Ở

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC GIAO THÔNG, TỈ LỆ: 1/60000

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
CHỦ TỊCH
Nguyễn Thanh Bình
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3093 NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2020

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH :
SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Thúy
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 4550 NGÀY 25 THÁNG 12 NĂM 2020

CƠ QUAN THỎA THUẬN :
UBND THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
CHỦ TỊCH
Lâm Quang Thi
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CHỦ ĐẦU TƯ :
SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ Thanh Hà THÁNG ..... NĂM .....

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM :
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC ĐẾN NĂM 2035

TÊN BẢN VẼ :
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH GIAO THÔNG CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ - CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

BẢN VẼ : QH03	GHÉP: 4 x A0	TỶ LỆ : 1/10.000	NGÀY: / / 202...
THIẾT KẾ & THỂ HIỆN :	KTS. NGUYỄN TRẦN TRUNG NGUYÊN		
CHỦ TRÌ :	ThS. KTS. NGUYỄN HÀ CƯƠNG		
CHỦ NHIỆM :	ThS. KTS. HỒ ĐÌNH CHIỀU		
QL KĨ THUẬT :	ThS. KTS. LÊ HỒNG QUANG		

CTY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM VÀ CỘNG SỰ — LIÊN QUY HOẠCH ĐÀO TẠO ĐÀI LOAN

CÔNG TY LIÊN DANH 1 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM VÀ CỘNG SỰ — THS.KTS. NGUYỄN HÀ CƯƠNG

LIÊN DANH 2 LIÊN QUY HOẠCH ĐÀO TẠO ĐÀI LOAN — CHỦ VĨN HÀO

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP — CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VERTICAL STUDIO

LIÊN DANH 3 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP — KS. TRẦN VĂN PHƯỢNG

LIÊN DANH 4 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VERTICAL STUDIO — VƯƠNG THANH LÂM

TÊN CÔNG TRÌNH: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC ĐẾN NĂM 2035

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH GIAO THÔNG - CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ - CHỈ GIỚI XÂY DỰNG - QH.06